

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2014

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

Căn cứ Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước (sau đây gọi là Nghị định số 29/2014/NĐ-CP).

2. Việc quản lý, xử lý và quản lý tài chính đối với hàng hóa tồn đọng trong khu vực giám sát hải quan được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước, tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản.
2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi là đơn vị) chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.
3. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN LÀ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH BỊ TỊCH THU

Điều 3. Bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu

1. Việc bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 115/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính.

2. Việc bảo quản các tài sản quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau:

a) Tài sản là vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hoá, bảo vật quốc gia, cổ vật chuyển giao cho Bảo tàng nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Bảo tàng nhà nước cấp tỉnh) nơi có tang vật, phương tiện để bảo quản;

b) Tài sản là vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, trang thiết bị đặc chủng và tài sản khác liên quan đến quốc phòng, an ninh do người có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ra quyết định tịch thu, cơ quan ra quyết định tịch thu có trách nhiệm bảo quản tài sản.

Tài sản là vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, trang thiết bị đặc chủng và tài sản khác liên quan đến quốc phòng, an ninh do người có thẩm quyền thuộc các cơ quan khác ra quyết định tịch thu được chuyển giao cho Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Công an cấp tỉnh nơi có tang vật, phương tiện để bảo quản;

c) Tài sản là tiền Việt Nam, ngoại tệ, chứng chỉ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý chuyển giao cho Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh (đối với tài sản do

người có thẩm quyền thuộc cơ quan trung ương và cấp tỉnh quyết định tịch thu) hoặc Kho bạc Nhà nước cấp huyện (đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp huyện, cấp xã quyết định tịch thu) để bảo quản.

Cơ quan trung ương được quy định tại Thông tư này bao gồm cả cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh, huyện, xã;

d) Tài sản là bộ phận (mẫu vật) của động vật rừng quý hiếm thuộc nhóm IB chuyển giao cho cơ quan Dự trữ nhà nước được Bộ Tài chính giao nhiệm vụ để bảo quản;

đ) Tài sản là lâm sản quý hiếm không được sử dụng vào mục đích thương mại, trừ tài sản quy định tại điểm d khoản này, chuyển giao cho cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh (đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc cơ quan trung ương và cấp tỉnh quyết định tịch thu) hoặc cơ quan Kiểm lâm cấp huyện (đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp huyện, cấp xã quyết định tịch thu) nơi có tang vật, phương tiện để bảo quản.

3. Các cơ quan quản lý chuyên ngành quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận tài sản để bảo quản;

b) Thực hiện việc quản lý, bảo quản tài sản đúng chế độ quy định.

Điều 4. Tổ chức chuyển giao tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu cho cơ quan chuyên ngành để bảo quản

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định tịch thu, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP có trách nhiệm chuyển giao các tài sản quy định tại Điều 3 Thông tư này cho cơ quan chuyên ngành để bảo quản trong thời gian chờ xử lý.

2. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản để bảo quản phải được lập thành biên bản theo Mẫu số 01-BBBQ ban hành kèm theo Thông tư này và có sự chứng kiến của Cục Quản lý công sản - Bộ Tài chính (trường hợp đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản và đơn vị tiếp nhận là cơ quan trung ương); Sở Tài chính hoặc Phòng Tài chính – Kế hoạch nơi có tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu (trường hợp đơn vị chủ trì, xử lý tài sản hoặc đơn vị tiếp nhận là cơ quan địa phương).

3. Danh mục hồ sơ kèm theo Biên bản bàn giao tài sản bao gồm:

a) Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính: 01 bản sao;

b) Giấy chứng nhận kết quả giám định tài sản (nếu có): 01 bản sao;

c) Bảng kê chi tiết tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu: 01 bản chính;

d) Hồ sơ, tài liệu khác (nếu có).

4. Bản chính các hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này do đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản bảo quản. Các bản sao hồ sơ bàn giao cho đơn vị tiếp nhận phải được người có thẩm quyền của đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản ký xác nhận và đóng dấu.

Điều 5. Danh sách cơ quan quản lý chuyên ngành được giao quản lý, xử lý tài sản

Danh sách các cơ quan quản lý chuyên ngành được giao quản lý, xử lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP được quy định như sau:

1. Tài sản là vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hoá, bảo vật quốc gia, cổ vật được chuyển giao cho:

a) Bảo tàng Lịch sử Quốc gia;

b) Bảo tàng nhà nước cấp tỉnh nơi tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

2. Tài sản là vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, trang thiết bị đặc chủng và các tài sản khác liên quan đến quốc phòng, an ninh được chuyển giao cho:

a) Bộ chỉ huy Quân sự cấp tỉnh nơi tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

b) Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Cơ quan nhà nước được phép sử dụng công cụ hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

3. Tài sản là chất phóng xạ chuyển giao cho Viện Năng lượng nguyên tử - Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Tài sản là lâm sản quý hiếm, trừ tài sản quy định tại khoản 6 Điều này được chuyển giao cho:

a) Cục Kiểm lâm, Chi cục kiểm lâm cấp tỉnh, Hạt kiểm lâm cấp huyện, Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng, Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ để thả lại nơi cư trú tự nhiên đối với động vật rừng còn sống;

b) Vườn thú do Nhà nước quản lý;

c) Các cơ sở nghiên cứu khoa học (bao gồm cả cơ sở nghiên cứu nhân giống), giáo dục môi trường, Viện nghiên cứu chuyên ngành;

d) Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam.

5. Tài sản là bộ phận (mẫu vật) của động vật rừng quý hiếm thuộc nhóm IB được chuyển giao theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

6. Các tài sản khác là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP quản lý và thực hiện việc xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức chuyển giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành để xử lý

1. Đối với tài sản phải chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để xử lý quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 5 Thông tư này: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định tịch thu, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Điều 5 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP có trách nhiệm gửi quyết định tịch thu và thông báo về chủng loại, số lượng, khối lượng, hiện trạng của tài sản tịch thu cho Cục Quản lý công sản - Bộ Tài chính (trong trường hợp người ra quyết định tịch thu thuộc cơ quan trung ương), Sở Tài chính (trong trường hợp người ra quyết định tịch thu thuộc cơ quan địa phương) để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quy định tại Điều 5 Thông tư này để quản lý, xử lý.

Đối với tài sản quy định tại khoản 6 Điều 5 Thông tư này, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản thực hiện xử lý theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này.

2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản bị tịch thu quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định chuyển giao đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc cơ quan trung ương ra quyết định tịch thu; tài sản do người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương ra quyết định tịch thu cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương khác;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương ra quyết định tịch thu, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định chuyển giao, đơn vị chủ trì, xử lý tài sản có trách nhiệm chuyển giao tài sản và toàn bộ hồ sơ liên quan đến tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành.

4. Việc chuyển giao tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 02-BBCG ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Sau khi hoàn thành việc bàn giao, tiếp nhận tài sản, cơ quan quản lý chuyên ngành quy định tại Điều 5 Thông tư này có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

6. Cơ quan quản lý chuyên ngành có trách nhiệm tổ chức xử lý tài sản theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan.

Riêng đối với các trường hợp chứng chỉ có giá có khả năng chuyển đổi thành tiền (séc, trái phiếu), việc xử lý được thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp đủ điều kiện chuyển đổi thành tiền mặt, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản làm thủ tục chuyển đổi thành tiền mặt và chuyển nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định;

b) Đối với trường hợp không đủ điều kiện chuyển đổi thành tiền, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản làm thủ tục gửi Kho bạc nhà nước để lưu giữ, bảo quản.

Điều 7. Phạm vi tang vật, phương tiện chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị để sử dụng

1. Phương tiện vận tải gồm:

a) Xe ô tô;

b) Xe mô tô, xe gắn máy và các loại phương tiện vận tải khác có tỷ lệ chất lượng còn lại từ 50% trở lên.

2. Máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc bao gồm:

a) Trang thiết bị văn phòng có tỷ lệ chất lượng còn lại từ 50% trở lên, bao gồm: máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy in, máy fax, máy photocopy, máy chiếu, điện thoại cố định và các trang thiết bị và phương tiện làm việc theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc của cơ quan và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước;

b) Máy móc, trang thiết bị dùng cho công tác chuyên môn có tỷ lệ chất lượng còn lại từ 50% trở lên và đáp ứng được yêu cầu chuyên môn, bao gồm: Máy móc, thiết bị đo lường phân tích, thiết bị thí nghiệm và các loại máy móc, trang thiết bị chuyên dùng khác.

3. Đối với các tài sản quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này có tỷ lệ chất lượng còn lại dưới 50% được xử lý như sau:

a) Bán đấu giá trong trường hợp tài sản còn giá trị sử dụng;

b) Tiêu hủy trong trường hợp tài sản không còn giá trị sử dụng.

Điều 8. Tổ chức chuyển giao tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho cơ quan, tổ chức, đơn vị để sử dụng

1. Đối với các tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Thông tư này, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định tịch thu, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Điều 5 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP có trách nhiệm gửi quyết định tịch thu và thông báo về chủng loại, số lượng, khối lượng, hiện trạng của tài sản tịch thu cho Cục Quản lý công sản - Bộ Tài chính (trong trường hợp người ra quyết định tịch thu thuộc cơ quan trung ương), Sở Tài chính (trong trường hợp người ra quyết định tịch thu thuộc cơ quan địa phương) để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng.

2. Căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản và nhu cầu sử dụng tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ quan tài chính quy định tại khoản 1 Điều này quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP.

Trường hợp không thực hiện được theo hình thức chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng, cơ quan tài chính có trách nhiệm thông báo lại cho đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản để bán đấu giá theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định chuyển giao, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính thực hiện chuyển giao tài sản và các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản cho cơ quan được tiếp nhận.

Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 02-BBCG ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đối với tài sản xử lý theo hình thức chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng, thực hiện hạch toán ghi thu ngân sách nhà nước khi quyết định phê duyệt phương án xử lý; thực hiện ghi chi ngân sách nhà nước khi chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng. Giá trị tài sản để hạch toán là giá trị của tài sản đã được người có thẩm quyền xác định theo quy định tại Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Trường hợp tài sản chưa được xác định giá trị, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản thành lập Hội đồng xác định giá trị của tài sản để xác định giá trị. Thành phần Hội đồng bao gồm:

- a) Đại diện của đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản: Chủ tịch Hội đồng;
- b) Đại diện cơ quan tiếp nhận tài sản;

c) Đại diện cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản hoặc đại diện cơ quan tài chính nhà nước (Sở Tài chính hoặc Phòng Tài chính – Kế hoạch) nơi có tang vật, phương tiện chuyển giao.

5. Sau khi tiếp nhận tài sản, cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận có trách nhiệm hạch toán tăng tài sản và thực hiện quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 9. Thủ tục thực hiện xử lý tài sản trong trường hợp đặc biệt cần xử lý theo hình thức khác

Đối với các trường hợp đặc biệt theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản thực hiện như sau:

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định tịch thu, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP lập phương án xử lý báo cáo Bộ Tài chính hoặc báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có) để đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

Trong phương án xử lý phải nêu rõ: loại tài sản; số lượng/khối lượng tài sản; hiện trạng tài sản; đề xuất hình thức xử lý đối với từng loại tài sản và cơ sở đề xuất hình thức xử lý đó;

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án xử lý. Trường hợp xét thấy phương án đề xuất không phù hợp, Bộ trưởng Bộ Tài chính có văn bản đề nghị đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản thực hiện tiêu hủy tài sản theo quy định tại Nghị định số 29/2014/NĐ-CP.

Mục 2 QUẢN LÝ, XỬ LÝ VẬT CHỨNG VỤ ÁN, TÀI SẢN CỦA NGƯỜI BỊ KẾT ÁN BỊ TỊCH THU

Điều 10. Bảo quản tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu

1. Đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP chịu trách nhiệm bảo quản tài sản theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản không có kho bãi để bảo quản tài sản thì được ủy quyền hoặc thuê cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, kho tàng để bảo quản. Việc ủy quyền, thuê bảo quản tài sản phải được lập thành hợp đồng theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu có các loại tài sản là vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hoá, bảo vật quốc gia, cổ vật, vũ khí, chất nổ, chất phóng xạ, phương tiện kỹ thuật đặc chủng và

các tài sản khác liên quan đến quốc phòng, an ninh, tiền Việt Nam, ngoại tệ, chứng chỉ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý, lâm sản, việc bảo quản được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư này.

3. Việc chuyển giao tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu cho cơ quan chuyên ngành để bảo quản thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 11. Trình tự quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận bàn giao tài sản từ cơ quan thi hành án (đối với tài sản có quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày quyết định tịch thu có hiệu lực pháp luật (đối với tài sản do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định tịch thu), đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản để trình cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP phê duyệt.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản về phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu, cấp có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 23 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP có trách nhiệm phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Đối với tài sản là vật có giá trị lịch sử, văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia, sau khi nhận được báo cáo của đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản bị tịch thu có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án xử lý.

Điều 12. Tổ chức chuyển giao tài sản cho cơ quan chuyên ngành để xử lý

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định chuyển giao, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản có trách nhiệm chuyển giao tài sản và hồ sơ liên quan đến tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Việc chuyển giao tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 02-BBCG ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Sau khi hoàn thành việc bàn giao, tiếp nhận, cơ quan quản lý chuyên ngành có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Việc tổ chức xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư này.

Điều 13. Tổ chức chuyển giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị để sử dụng

1. Phạm vi tài sản chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị để sử dụng thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

2. Đối với các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định chuyển giao, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản chủ trì xác định giá trị tài sản chuyển giao; thực hiện chuyển giao tài sản và các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản cho cơ quan được tiếp nhận.

Thành phần Hội đồng xác định giá trị tài sản chuyển giao thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư này.

Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 02-BBCG ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với tài sản xử lý theo hình thức chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng, thực hiện hạch toán ghi thu ngân sách nhà nước khi quyết định phê duyệt phương án xử lý; thực hiện ghi chi ngân sách nhà nước khi chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng.

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận có trách nhiệm hạch toán tăng tài sản và thực hiện quản lý, sử dụng tài sản được tiếp nhận theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 14. Bán chỉ định tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu

1. Đối với các tài sản được bán chỉ định theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt phương án xử lý của cấp có thẩm quyền, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản có trách nhiệm xác định giá bán chỉ định.

Việc xác định giá bán chỉ định được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Căn cứ vào phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và giá bán chỉ định được xác định tại khoản 1 Điều này, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản thực hiện bán tài sản cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

3. Việc bán chỉ định tài sản được lập thành Hợp đồng theo Mẫu số 03-HĐBCĐ ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Xác định giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá

Việc xác định giá khởi điểm của tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu để bán đấu giá được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày ngày 15 tháng 9 năm 2010 quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá và chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản.

Mục 3

QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN VÔ CHỦ, TÀI SẢN BỊ ĐÁNH RƠI, BỎ QUÊN, DI SẢN KHÔNG NGƯỜI THỪA KẾ ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 16. Bảo quản tài sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

Việc bảo quản tài sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước và thủ tục chuyển giao tài sản để bảo quản thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này.

Điều 17. Lập, phê duyệt phương án xử lý, tổ chức xử lý tài sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

Việc lập, phê duyệt phương án xử lý và tổ chức xử lý tài sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP; các Điều 11, 12, 13, 14 và 15 Thông tư này.

Điều 18. Hội đồng xác định giá trị tài sản bị đánh rơi, bỏ quên để làm căn cứ chi thưởng

1. Người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP quyết định thành lập Hội đồng định giá, xác định giá trị tài sản bị đánh rơi, bỏ quên để làm căn cứ chi thưởng.

2. Thành phần Hội đồng định giá:

a) Người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng hoặc người được uỷ quyền làm Chủ tịch Hội đồng;

b) Đại diện cơ quan tài chính (Bộ Tài chính đối với tài sản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương phê duyệt phương án xử lý; Sở Tài chính đối với tài sản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương phê duyệt phương án xử lý);

- c) Đại diện cơ quan, đơn vị giao tiếp nhận, bảo quản tài sản;
- d) Đại diện cơ quan chuyên môn kỹ thuật hoặc các chuyên gia về tài sản;
- đ) Các thành viên khác có liên quan.

3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng định giá:

Hội đồng định giá làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các cuộc họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự. Các quyết định của Hội đồng phải được quá nửa số thành viên Hội đồng tán thành và được lập thành biên bản. Trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng.

Hội đồng có thể thuê hoặc giao cho cơ quan, đơn vị được giao tiếp nhận, bảo quản tài sản quy định tại Điều 26 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP thuê tổ chức đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá xác định giá trị tài sản bị đánh rơi, bỏ quên để xem xét, tham khảo trước khi quyết định.

Đại diện tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị đánh rơi, bỏ quên và cung cấp thông tin được quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng định giá và có thể phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Hội đồng có trách nhiệm định giá tài sản bị đánh rơi, bỏ quên theo các quy định hiện hành của pháp luật về nguyên tắc, phương pháp, chuẩn mực thẩm định giá. Trường hợp đặc biệt không thể xác định được giá trị của tài sản thì Hội đồng có văn bản thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP biết để quyết định mức thưởng theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP.

5. Thời hạn ra kết quả định giá của Hội đồng định giá là 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định thành lập. Trường hợp tài sản định giá phức tạp thì có thể gia hạn thời gian định giá nhưng thời gian gia hạn không quá 30 ngày.

6. Hội đồng định giá tự giải thể sau khi hoàn thành việc định giá.

Mục 4

XỬ LÝ TÀI SẢN DO CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ NGUYỆN CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CHO NHÀ NƯỚC

Điều 19. Bảo quản tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước

Việc bảo quản tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước và thủ tục chuyển giao tài sản để bảo quản thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP và Điều 10 Thông tư này.

Điều 20. Lập, phê duyệt phương án xử lý, tổ chức xử lý tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước

Việc lập, phê duyệt phương án xử lý và tổ chức xử lý tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước được thực hiện theo quy định các tại Điều 33, 34 và 35 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP; các Điều 11, 12, 13, 14 và 15 Thông tư này.

Điều 21. Hình thức xử lý tài sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết

1. Căn cứ vào kết quả kiểm kê, phân loại của Hội đồng kiểm kê phân loại quy định tại Điều 16 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hình thức xử lý tài sản:

a) Đối với tài sản gắn liền với đất (nhà làm việc, nhà xưởng và các công trình gắn liền với đất khác):

- Chuyển giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để quản lý, sử dụng;

- Chuyển giao cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để quản lý, vận hành, kinh doanh theo hình thức ghi tăng vốn;

- Bán đấu giá theo quy định của pháp luật;

- Phá dỡ, hủy bỏ đối với tài sản đã xuống cấp, không còn giá trị sử dụng; vật liệu thu hồi thực hiện xử lý bán.

b) Đối với tài sản khác không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này:

- Chuyển giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quản lý, sử dụng đối với tài sản là phương tiện vận tải, máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc, thiết bị thí nghiệm theo tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

- Bán đấu giá;

- Phá dỡ, hủy bỏ đối với tài sản đã xuống cấp, không còn giá trị sử dụng; vật liệu thu hồi thực hiện xử lý bán.

Điều 22. Tổ chức xử lý tài sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết

1. Đối với tài sản chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị để quản lý, sử dụng, việc tổ chức xử lý được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

2. Đối với tài sản chuyển giao cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản tổ chức xác định giá trị tài sản theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Đối với tài sản bán đấu giá và vật liệu thu hồi được xử lý bán thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP và Điều 14, Điều 15 Thông tư này.

4. Đối với tài sản phải phá dỡ, hủy bỏ, việc tổ chức xử lý được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP.

5. Đối với tài sản gắn liền với đất, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai theo quy định của pháp luật.

Mục V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 23. Nội dung chi quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

1. Các khoản chi phí liên quan đến quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; tài sản của vụ án hình sự chuyển sang xử lý hành chính bị tịch thu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 173/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính.

2. Các khoản chi phí liên quan đến quản lý, xử lý vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu; tài sản của vụ việc vi phạm hành chính chuyển sang xử lý hình sự bị tịch thu; các tài sản khác được xác lập quyền sở hữu của nhà nước bao gồm:

a) Chi phí vận chuyển, bảo quản; chi phí kiểm nghiệm, giám định, định giá tài sản; chi bồi thường tổn thất do nguyên nhân khách quan (nếu có) tới thời điểm có quyết định phê duyệt phương án xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp cơ quan tiếp nhận, bảo quản tài sản đã được Nhà nước bố trí kho bãi, phương tiện vận tải, kinh phí thường xuyên thì không được thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc vận chuyển, bảo quản những tài sản đó;

b) Chi phí giao, nhận, bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản tài sản từ thời điểm có quyết định phê duyệt phương án xử lý của cơ quan có thẩm quyền đến khi hoàn thành việc xử lý;

c) Các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý bán tài sản: chi phí định giá khởi điểm; chi thuê giám định, thuê sửa chữa tài sản để bán nếu tài sản phải sửa chữa mới bán được; chi khắc phục tổn thất về tài sản do nguyên nhân khách quan; phí bán đấu giá trả cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, chi phí bán đấu giá do Hội đồng bán đấu giá thực hiện (đối với trường hợp bán đấu giá thông qua Hội đồng bán đấu giá tài sản);

d) Thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) đối với trường hợp hàng thuộc diện tạm nhập, tái xuất nhưng nay cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép nhập khẩu chính thức;

đ) Chi phí cho việc chăm sóc, cứu hộ động vật hoang dã trước khi xử lý theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

e) Chi bồi dưỡng, chi thưởng, làm đêm, thêm giờ cho tổ chức, cá nhân tham gia xử lý tài sản;

g) Chi bồi dưỡng trong thời gian điều trị cho cán bộ, chiến sỹ bị tai nạn, bị thương trong khi thực hiện xử lý tài sản;

h) Phí, lệ phí (nếu có);

i) Chi phí thực hiện tiêu huỷ tài sản;

k) Các khoản chi khác có liên quan.

Điều 24. Nguyên tắc chi quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

1. Đối với các khoản chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo quy định đó. Đối với các khoản chi phí chưa có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quyết định trên cơ sở thực tế phát sinh và khả năng kinh phí thực hiện xử lý tài sản và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Đối với các khoản chi phí mua tin, chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh trong quá trình xử lý vi phạm pháp luật hình sự trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả thực hiện theo quy định tại Thông tư số 59/2008/TT-BTC ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và Thông tư số 51/2010/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 59/2008/TT-BTC.

3. Đối với các vụ việc từ hành chính chuyển sang xử lý hình sự hoặc từ hình sự chuyển sang xử lý hành chính, chi phí vận chuyển, bảo quản phát sinh trước khi chuyển giao được tính vào kinh phí chi thường xuyên của đơn vị bảo quản tài sản; các khoản chi phí khác theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư này được thanh toán từ nguồn kinh phí xử lý tài sản theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP.

Điều 25. Thanh toán các khoản chi quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

1. Các khoản chi được thanh toán phải có chứng từ hợp lý, hợp lệ theo quy định. Trường hợp các khoản chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện (như chi phí giám định, chi chăm sóc, cứu hộ động vật và các khoản chi khác) thì được sử dụng phiếu thu của cơ quan nhà nước đó để làm căn cứ thanh toán chi phí.

2. Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương duyệt chi các khoản chi phí xử lý tài sản do người có thẩm quyền thuộc cơ quan trung ương và người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp tỉnh ra quyết định xác lập sở hữu của Nhà nước; Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện duyệt chi các khoản chi phí xử lý tài sản do người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp huyện, cấp xã ra quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

3. Việc thanh toán các khoản chi phí quy định tại Điều 23 Thông tư này được thực hiện theo mức chi thực tế hợp lý, hợp lệ của từng vụ việc hoặc mức khoán do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Đối với các loại tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước phát sinh thường xuyên, căn cứ vào tình hình thực tế quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước trên số tiền thu được từ xử lý tài sản cho đơn vị chủ trì quản lý, xử lý thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương để áp dụng thống nhất. Mức khoán tối đa không vượt quá 40% số tiền thu được từ xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước; đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản được chủ động sử dụng chi phí được khoán để chi cho các nội dung theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.

Trường hợp trong quá trình thực hiện xử lý tài sản, chi phí xử lý thực tế vượt quá mức khoán quy định và có đầy đủ các hồ sơ, chứng từ chứng minh việc chi cho xử lý tài sản là cần thiết và phù hợp, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản báo cáo cơ quan tài chính có thẩm quyền duyệt chi quy định tại khoản 2 Điều này để xem xét, quyết định.

4. Đối với những vụ việc hình sự hoặc vụ việc từ hành chính chuyển sang xử lý hình sự và được cơ quan có thẩm quyền quyết định đình chỉ vụ án, trong

thời hạn một (01) năm, kể từ ngày có quyết định đình chỉ vụ án, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản có trách nhiệm thanh toán các chi phí có liên quan đến quản lý, xử lý tang vật bị tịch thu của vụ việc đó từ nguồn kinh phí quy định tại Điều 37 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2014.
2. Bãi bỏ Thông tư số 166/2009/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý một số loại tài sản tịch thu và tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu quy định về biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản để bảo quản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận, bán chỉ định tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước, Quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản, Quyết định chuyển giao, bán, tiêu hủy tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư; Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao; Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS.



Nguyễn Hữu Chí

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO, TIẾP NHẬN TÀI SẢN ĐỂ BẢO QUẢN
Số:/.....⁽¹⁾/BBBQ-.....⁽²⁾

Căn cứ Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 159/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Hôm nay, ngày.....tháng.... năm....., tại....., chúng tôi gồm:

A - Đại diện bên giao (Đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản):

1. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

2. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

B- Đại diện bên nhận (Cơ quan quản lý chuyên ngành):

1. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

2. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

C - Đại diện bên chứng kiến:

Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

Cùng nhau tiến hành bàn giao, tiếp nhận tài sản để bảo quản như sau:

I. Tài sản bàn giao, tiếp nhận:

1. Chủng loại, số lượng, hiện trạng tài sản bàn giao:

STT	Tên tài sản	Nhãn hiệu	Số Đăng ký (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị tài sản (nếu có)	Tình trạng chất lượng	Ghi chú

(1) Năm tiến hành bàn giao.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan bàn giao tài sản.

2. Danh mục các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản⁽³⁾:

.....
.....

II. Trách nhiệm của các bên:

1. Bên giao có trách nhiệm bàn giao đầy đủ tài sản và hồ sơ tài sản nêu tại Mục I Biên bản này.

2. Bên nhận có trách nhiệm:

- Tiếp nhận tài sản để bảo quản;
- Thực hiện việc quản lý, bảo quản tài sản đúng chế độ quy định;
- Bàn giao tài sản cho cơ quan, đơn vị tiếp nhận để quản lý, xử lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

III. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao:

.....

Biên bản đã được các bên cùng nhất trí thông qua và được lập thành 05 bản, bên giao giữ 02 bản, bên nhận giữ 02 bản, bên chứng kiến giữ 01 bản./.

Đại diện bên giao
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên chứng kiến
(Ký và ghi rõ họ tên)

(3) Đối với từng loại hồ sơ, giấy tờ phải ghi rõ bản chính hay bản sao.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO, TIẾP NHẬN
TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CỦA NHÀ NƯỚC
Số:/.....⁽¹⁾/BBCG-.....⁽²⁾

Căn cứ Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 159/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số⁽³⁾;

Hôm nay, ngày.....tháng.... năm....., tại....., chúng tôi gồm:

A - Đại diện bên giao (Đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản):

1. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

2. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

B- Đại diện bên nhận:

1. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

2. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

C - Đại diện bên chứng kiến:

Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

Cùng nhau tiến hành bàn giao, tiếp nhận đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước như sau:

(1) Năm tiến hành bàn giao.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan bàn giao tài sản.

(3) Quyết định chuyển giao tài sản của cấp có thẩm quyền.

I. Tài sản bàn giao, tiếp nhận:

1. Chủng loại, số lượng, hiện trạng tài sản bàn giao:

STT	Tên tài sản	Nhãn hiệu	Số Đăng ký (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị tài sản (nếu có)	Tình trạng chất lượng

2. Danh mục các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản⁽⁴⁾:

.....
.....

II. Trách nhiệm của các bên:

1. Bên giao có trách nhiệm bàn giao đầy đủ tài sản và hồ sơ tài sản nêu tại Mục I Biên bản này.

2. Bên nhận có trách nhiệm:

- Tiếp nhận các tài sản và hồ sơ tài sản nêu tại Mục I Biên bản này theo Quyết định của cấp có thẩm quyền;

- Thực hiện việc quản lý, xử lý tài sản theo đúng quy định của pháp luật chuyên ngành (trong trường hợp tiếp nhận tài sản để quản lý, xử lý);

- Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật (trong trường hợp tiếp nhận tài sản để quản lý, sử dụng).

III. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao:

.....

Biên bản đã được các bên cùng nhất trí thông qua và được lập thành 05 bản, bên giao giữ 02 bản, bên nhận giữ 02 bản, bên chứng kiến giữ 01 bản./.

Đại diện bên giao
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên chứng kiến
(Ký và ghi rõ họ tên)

(4) Đối với từng loại hồ sơ, giấy tờ phải ghi rõ bản chính hay bản sao.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU
CỦA NHÀ NƯỚC THEO HÌNH THỨC CHỈ ĐỊNH**

Căn cứ Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 159/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Quyết định⁽¹⁾;

Hôm nay, ngày.....tháng....năm....., tại....., chúng tôi gồm:

A – Bên bán tài sản (Đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản):

- Ông, bà:....., chức vụ.....

- Ông, bà:....., chức vụ.....

B- Bên mua tài sản:

- Ông, bà/tổ chức:.....

- Địa chỉ:

- Số CMND/Giấy CNĐKKD:, ngày cấp:, nơi cấp:.....

1. Hai bên đồng ý việc mua, bán các tài sản sau:

T T	Tên tài sản	Chủng loại	Số lượng/ Khối lượng	Hiện trạng tài sản	Đơn giá bán	Thành tiền
	Tổng cộng					

2. Giá bán và phương thức thanh toán

- Giá bán tài sản nêu tại khoản 1 là: (bằng chữ:

- Phương thức thanh toán:

- Thời hạn thanh toán:

(1) Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc bán tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

3. Thời hạn, địa điểm và phương thức giao nhận tài sản:

4. Thuế và lệ phí liên quan đến việc mua bán tài sản theo Biên bản này (nếu có) do Bên chịu trách nhiệm nộp.

5. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

.....

.....

Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên bán giữ 02 bản, bên mua giữ 02 bản./.

Đại diện bên bán

(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên mua

(Ký tên, đóng dấu)

(1)
(2)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....⁽³⁾

....., ngày ... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản

.....⁽⁴⁾

Căn cứ Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 159/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của⁽²⁾;

Xét đề nghị của⁽⁵⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với các tài sản sau đây:

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Giá trị tài sản (nếu có)	Tình trạng tài sản

Nguồn gốc tài sản:⁽⁶⁾

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.⁽⁷⁾ có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2.
- Cơ quan tài chính⁽⁸⁾;
- Lưu:

.....⁽⁴⁾
(Ký tên, đóng dấu)

- (1) Tên cơ quan cấp trên (nếu có).
- (2) Tên cơ quan của người ra quyết định.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan của người ra quyết định.
- (4) Chức danh của người ra quyết định.
- (5) Tên đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản trình.
- (6) Ghi rõ nguồn gốc của tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP (tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế...).
- (7) Tên các cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.
- (8) Ghi Sở Tài chính nơi có tài sản (trường hợp cơ quan của người ra quyết định là cơ quan trung ương hoặc cấp tỉnh); Phòng Tài chính – kế hoạch (trường hợp cơ quan của người ra quyết định là cơ quan cấp huyện).

(1)
(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....⁽³⁾

....., ngày ... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển giao tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

.....⁽⁴⁾
.....

Căn cứ Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 159/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số⁽⁵⁾;

Căn cứ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của⁽²⁾;

Xét đề nghị của⁽⁶⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển giao cho⁽⁷⁾ quản lý, sử dụng/xử lý đối với các tài sản sau:

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Giá trị tài sản (nếu có)	Tình trạng tài sản	Quyết định XLSHNN

Điều 2.⁽⁷⁾ có trách nhiệm:

1. Thực hiện tiếp nhận tài sản theo đúng quy định.
2. Thực hiện quản lý, xử lý tài sản theo quy định của pháp luật chuyên ngành (trong trường hợp chuyển giao tài sản để quản lý, xử lý).
3. Thực hiện hạch toán (ghi tăng tài sản và giá trị tài sản) và quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (trong trường hợp chuyển giao tài sản để quản lý, sử dụng).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.⁽⁸⁾ có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2.

- Lưu:

.....⁽⁴⁾

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan cấp trên (nếu có).

(2) Tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan của người ra quyết định.

(4) Chức danh của người ra quyết định.

(5) Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản.

(6) Tên đơn vị chủ trì, quản lý xử lý tài sản trình.

(7) Tên đơn vị tiếp nhận tài sản.

(8) Tên các cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

(1)

(2)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....⁽³⁾

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bán tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

.....⁽⁴⁾

Căn cứ Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 159/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số⁽⁵⁾;

Căn cứ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của⁽²⁾;

Xét đề nghị của⁽⁶⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bán các tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước sau đây:

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Tình trạng tài sản	Quyết định XLSHNN

Điều 2. Việc bán các tài sản nêu tại Điều 1 Quyết định này được thực hiện theo hình thức⁽⁷⁾.

Điều 3. Số tiền thu được từ việc bán các tài sản nêu tại Điều 1 Quyết định này được quản lý theo quy định tại Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ và Thông tư số 159/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Tài chính.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.⁽⁸⁾ có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2.

- Lưu:

.....⁽⁴⁾

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan cấp trên (nếu có).

(2) Tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định.

(4) Chức danh của người ra quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

(5) Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản.

(6) Tên đơn vị chủ trì, quản lý xử lý tài sản trình.

(7) Ghi rõ hình thức bán: bán đấu giá, bán chỉ định.

(8) Tên các cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

(1)
(2)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....⁽³⁾

....., ngày ... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tiêu hủy tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

.....⁽⁴⁾

Căn cứ Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 159/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số⁽⁵⁾;

Căn cứ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của⁽²⁾;

Xét đề nghị của⁽⁶⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiêu hủy các tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước sau:

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Tình trạng tài sản	Quyết định XLSHNN (Số/ngày)

Điều 2. Việc tiêu hủy các tài sản nêu tại Điều 1 Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.⁽⁷⁾ có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2.

- Lưu:

.....⁽⁴⁾
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan cấp trên (nếu có).

(2) Tên cơ quan của người ra quyết định.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan của người ra quyết định.

(4) Chức danh của người ra quyết định.

(5) Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản.

(6) Tên đơn vị chủ trì, quản lý xử lý tài sản trình.

(7) Tên các cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định